

Bản án số: 245/2023/DS-ST
Ngày 22 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Thái Hoàng Bo

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:** Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2023/TLST–DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989.

Địa chỉ cư trú: Khóm 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Trương Văn T, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: Khóm 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C.

Bà Mai Hồng T, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: Khóm 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

Người giám hộ cho ông Tèo: Bà Mai Hồng T, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Khóm 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C là vợ ông T. (có mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T: Anh Võ Việt B, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: ấp Hoà Đức, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (văn bản uỷ quyền ngày 21/3/2023) (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 02 năm 2023, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Ngày 14/12/2020 vợ chồng ông Trương Văn T và bà Mai Hồng T vay anh số tiền 742.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm. Đến nay đã 26 tháng chưa đóng lãi cho anh. Số tiền lãi 26 tháng x 12.366.000 đồng = 321.533.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng ông Tèo và bà Tho thiếu anh số tiền 1.063.531.000 đồng. Sau đó anh hẹn ông Tèo và bà Tho đo đạc hỗ trợ giao phần đất thế chấp theo hợp đồng vay tiền diện tích ngang 15m x dài 50m, trong đó có 300m² thổ cư nằm trong thửa số 185, 138, tờ bản đồ số 1, phần đất tọa lạc tại khóm 6, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được cấp ngày 07/12/1993. Vị trí khu đất tiếp giáp với ông Trương Văn L và Phủ Thờ Bắc. Khi hai bên lập hợp đồng không có thế chấp, anh không giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông T, bà T không có giao đất cho anh. Sau đó anh có yêu cầu ông T và bà T thực hiện theo cam kết đo đạc giao cho anh nhưng ông T và bà T không thực hiện.

Anh N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Văn T và bà Mai Hồng T trả cho anh tiền vay và lãi, tổng số tiền 1.063.531.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn yêu cầu ông Tèo và bà Tho trả cho anh tiền vay và lãi đến ngày xét xử, tổng số tiền 800.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của bà T, anh Võ Việt B trình bày: Vào tháng 8/2016 bà Tho có vay tiền của bà Huỳnh Thị P (mẹ ruột anh N) số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Khi vay hai bên có lập văn bản vay và bà P giữ văn bản vay.

Sau đó 03 tháng bà T không có tiền đóng lãi, bà P yêu cầu bà T ký thiếu tiền hui gồm: 01 dây hui 500.000 đồng và 01 dây hui 1.000.000 đồng. Vụ việc kéo dài khoảng 02 năm, bà P thông báo cho bà T biết, số tiền hui mà bà T thiếu 200.000.000 đồng và tiền lãi 100.000.000 đồng. Đến ngày 14/01/2019 bà P yêu cầu bà T ký giấy nợ sang cho con bà P là anh Nguyễn Văn N, thời điểm đó bà P yêu cầu bà T ký vào giấy tờ ghi nhận số tiền mà bà T nợ anh Nguyễn 300.000.000 đồng chứ giữa bà T và anh N không có vay nợ.

Thời gian sau chồng bà T là ông Trương Văn T đổ bệnh nặng, gia đình bà T gặp rất nhiều khó khăn và bà T, ông T không vay tiền hay ký nhận văn bản nào đối với anh N.

Do đó, bà T xác định hợp đồng vay tiền đề ngày 14/12/2020 có chữ ký và chữ viết của ông Trương Văn T và bà Mai Hồng T trong hợp đồng là không phải chữ ký và chữ viết của ông T và bà T.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Mai Hồng T người giám hộ cho bị đơn ông Trương Văn T trình bày: Bà T thống nhất theo lời trình bày của anh Võ Việt B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là đúng với trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N . Buộc bà Mai Hồng T và ông Trương Văn T có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn N tổng số tiền vốn và lãi 800.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm bà T và ông T chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu bà Mai Hồng T và ông Trương Văn T trả tiền vay và lãi. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của anh N buộc ông Trương Văn T và bà Mai H T trả cho anh tiền vay 742.000.000 đồng theo hợp đồng ngày 14/12/2020; bà T cho rằng, bà và ông T không có ký tên trong hợp đồng vay trên. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại phiên toà anh N xác định, thực tế anh chỉ giao cho ông T và bà T số tiền 615.000.000 đồng, còn số tiền 127.000.000 đồng là tiền lãi bà T và ông T còn thiếu cộng vào trong hợp đồng vay tiền ngày 14/12/2020. Và tại điểm 6 mục V Kết luận giám định số 4244/KL-KTHS ngày 05/9/2023 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: “...*Chữ ký dạng chữ viết “T ” tại mục “Xác nhận” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ viết họ tên “Mai Hồng T ” dưới chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3,M4; chữ ký dạng chữ viết “T ”, chữ viết đứng tên Mai Hồng T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5 là do cùng một người ký (viết) ra. ...*” (bl 87). Từ kết luận trên, chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn N buộc ông Trương Văn T và bà Mai Hồng T trả cho anh N số tiền vay 615.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu của anh N về tính lãi theo mức lãi suất 20%/năm, thời gian từ ngày 14/12/2020 đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...*”. Viện dẫn theo điều luật trên, anh N yêu cầu ông T và bà T trả lãi số tiền vay 615.000.000 đồng từ ngày 14/12/2020 đến ngày xét xử là 33 tháng x lãi suất 20%/năm x 615.000.000 đồng = 338.249.999 đồng (làm tròn số 338.250.000 đồng). Tổng vốn và lãi số tiền 953.250.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên toà anh N chỉ yêu cầu ông T và bà T trả cho anh tiền vốn và lãi 800.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của anh N không trái quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N . Buộc ông Trương Văn T và bà Mai Hồng T trả cho anh N tổng số

tiền vay và lãi 800.000.000 đồng. (trong đó tiền vốn 615.000.000 đồng và tiền lãi 185.000.000 đồng)

[4] Ý kiến của viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo qui định “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Do đó, buộc ông T và bà T phải chịu số tiền là 36.000.000 đồng. Ngày 22/9/2023 ông T và bà T có đơn xin miễn án phí thấy rằng, ông T là người có khó khăn trong có nhận thức, làm chủ hành vi và bà T là người gặp hoàn cảnh khó khăn. Căn cứ khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xét giảm 50% án phí cho ông T và bà T. Buộc ông T và bà T phải chịu 18.000.000 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng: Theo khoản 1 Điều 161 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định “...*Người yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định phải chịu chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người đó là không có căn cứ ...*”. Viện dân từ điều luật trên, buộc bà T và ông T phải chịu 3.000.000 đồng chi phí giám định. Anh B người đại diện của bà T và ông T đã nộp chi phí giám định số tiền 3.000.000 đồng, được đối chiếu xong ngày 11/9/2023.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 160, khoản 1 Điều 161, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N .

1. Buộc ông Trương Văn T và bà Mai Hồng T trả cho anh Nguyễn Văn N tổng số tiền vay và lãi 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng). Trong đó tiền vốn 615.000.000 đồng và tiền lãi 185.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh N 10.976.000 đồng (mười triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0013682 ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Ông Trương Văn T và bà Mai Hồng T phải chịu 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Chi phí giám định: Ông Trương Văn T và bà Mai Hồng T phải chịu số tiền tiền 3.000.000 đồng đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Giang Nam